

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT TP. HỒ CHÍ MINH**  
01. Võ Văn Ngân, Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh - [www.hcmute.edu.vn](http://www.hcmute.edu.vn)



**HCMUTE**

**KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG HẠN**  
**GIAI ĐOẠN 2017-2022, TẦM NHÌN 2030**  
*(Điều chỉnh 03/2020)*

**TP. HỒ CHÍ MINH - 03/2020**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT TP. HỒ CHÍ MINH  
01. Võ Văn Ngân, Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh - [www.hcmute.edu.vn](http://www.hcmute.edu.vn)

**KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG HẠN  
GIAI ĐOẠN 2017-2022, TẦM NHÌN 2030  
(Điều chỉnh 03/2020)**

**TP. HỒ CHÍ MINH - 03/2020**

Số: ~~14~~20/QĐ-ĐHSPKT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 5 năm 2020

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Kế hoạch chiến lược phát triển trung hạn  
giai đoạn 2017-2022, tầm nhìn đến 2030 (điều chỉnh 03/2020)

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT TP. HCM

Căn cứ quyết định số 426/QĐ-TTg ngày 27/10/1976 và quyết định số 118/2000-QĐ-TTg ngày 10/10/2000 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Luật số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018 của Quốc hội khoá 14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học;

Căn cứ quyết định số 937/QĐ-TTg ngày 30/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh;

Căn cứ quyết định số 2727/QĐ-ĐHSPKT ngày 24/12/2018 về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh;

Căn cứ công văn số 02/CV-HĐT ngày 08/4/2020 của Hội đồng trường về việc bổ sung theo góp ý HĐT về Báo cáo sơ kết, điều chỉnh Kế hoạch chiến lược trung hạn giai đoạn 2017-2022, tầm nhìn 2030;

Xét đề nghị của Trường Phòng Đảm bảo chất lượng.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo quyết định này bản Kế hoạch chiến lược phát triển trung hạn giai đoạn 2017-2022, tầm nhìn đến 2030 (điều chỉnh 03/2020) của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh.

**Điều 2.** Trường các đơn vị trong toàn trường hàng năm chịu trách nhiệm đề xuất triển khai thực hiện các mục tiêu, chỉ số, kế hoạch hành động của kế hoạch chiến lược này một cách cụ thể theo chức năng, nhiệm vụ đã được giao.

**Điều 3.** Giao phòng Đảm bảo chất lượng xây dựng lộ trình, kế hoạch phân công thực hiện và chịu trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra, báo cáo kết quả thực hiện.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Lưu TCHC (5b).



HIỆU TRƯỞNG *Đỗ Văn Dũng*  
PGS.TS. Đỗ Văn Dũng

## MỤC LỤC

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1420/QĐ-ĐHSPKT, ngày 11/5/2020)*

<b>MỞ ĐẦU</b> .....	<b>1</b>
<b>1. Phân tích tác động bên ngoài và bên trong</b> .....	<b>1</b>
<b>1.1. Phân tích môi trường bên ngoài, các cơ hội và thách thức</b> .....	<b>1</b>
1.1.1. Những yếu tố tác động bên ngoài đến hoạt động của nhà trường.....	1
1.1.2. Những cơ hội.....	2
1.1.3. Những thách thức .....	3
<b>1.2. Các yếu tố tác động bên trong, các điểm mạnh và tồn tại</b> .....	<b>3</b>
1.2.1. Hiện trạng của nhà trường.....	3
1.2.2. Những điểm mạnh.....	4
1.2.3. Những mặt tồn tại.....	5
<b>2. Tầm nhìn, sứ mạng, triết lý giáo dục, các giá trị và chính sách chất lượng</b> .....	<b>6</b>
<b>3. Các mục tiêu chiến lược</b> .....	<b>7</b>
<b>4. Các giải pháp và chiến lược thực hiện</b> .....	<b>8</b>
<b>4.1. Các giải pháp</b> .....	<b>8</b>
4.1.1. Giải pháp 1: Cơ cấu tổ chức và đội ngũ .....	8
4.1.2. Giải pháp 2: Cơ sở vật chất .....	9
4.1.3. Giải pháp 3: Tài chính.....	11
<b>4.2. Các chiến lược</b> .....	<b>12</b>
4.2.1. Chiến lược 1: Hệ thống quản lý - quản trị.....	12
4.2.2. Chiến lược 2: Đào tạo và người học.....	14
4.2.3. Chiến lược 3: Hệ thống thông tin và dạy học số .....	17
4.2.4. Chiến lược 4: Đảm bảo chất lượng .....	20
4.2.5. Chiến lược 5: Hợp tác trong và ngoài nước .....	22
4.2.6. Chiến lược 6: Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ .....	24
4.2.7. Chiến lược 7: Phục vụ cộng đồng .....	26
<b>5. Tổ chức thực hiện &amp; kết luận</b> .....	<b>28</b>
<b>5.1. Tổ chức thực hiện</b> .....	<b>28</b>
<b>5.2. Kết luận</b> .....	<b>29</b>
<b>PHỤ LỤC</b> .....	<b>30</b>

## **MỞ ĐẦU**

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư (Fourth Industrial Revolution - IR 4.0) được xác định là bắt đầu vào thời điểm chuyển giao sang thế kỷ 21, IR 4.0 đã và đang diễn ra với một tốc độ như vũ bão và rộng khắp trên toàn thế giới. Việt Nam đang ở giai đoạn đầu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, IR 4.0 sẽ tạo ra sự thay đổi có tính đột biến, ngày càng triệt để đến mọi lĩnh vực, mọi ngành nghề trong đó có giáo dục và đào tạo.

Trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo; Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản pháp quy quan trọng về giáo dục đại học như Luật số 34/2018/QH14 của Quốc hội khoá 14 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học; Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg về Điều lệ trường đại học; Nghị định số 73/2015/NĐ-CP quy định tiêu chuẩn phân tầng, khung xếp hạng và tiêu chuẩn xếp hạng cơ sở giáo dục đại học. Hội nghị Trung ương 8 khoá XI đề ra các chủ trương, đường lối cụ thể tại Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh (Trường ĐHSP Kỹ thuật TPHCM) là cơ sở đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ giáo viên dạy nghề, giáo viên dạy kỹ thuật; Trường còn là nơi đào tạo kỹ sư công nghệ, kinh tế, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, nghệ thuật và bồi dưỡng nguồn nhân lực thích ứng với thị trường lao động; cung cấp nguồn nhân lực trực tiếp cho khu vực phía Nam.

Để làm tốt những chức năng nhiệm vụ được giao; cán bộ, viên chức và sinh viên của Trường ĐHSP Kỹ thuật TPHCM đang đem hết khả năng và nhiệt tình của mình để giữ vững vị trí đầu ngành trong hệ thống sư phạm kỹ thuật và phấn đấu trở thành trường đại học thông minh trong hệ thống giáo dục đại học Việt Nam, ngang tầm với các trường đại học uy tín trong khu vực Đông Nam Á.

## **1. Phân tích tác động bên ngoài và bên trong**

### **1.1. Phân tích môi trường bên ngoài, các cơ hội và thách thức**

#### **1.1.1. Những yếu tố tác động bên ngoài đến hoạt động của nhà trường**

- Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 sẽ phát triển với những bước tiến nhảy vọt trong thế kỷ XXI, với các ảnh hưởng chủ đạo là:
  - Đổi mới giáo dục đang diễn ra trên quy mô toàn cầu, làm biến đổi sâu sắc

trong giáo dục từ quan niệm về chất lượng giáo dục, đến cách tổ chức quá trình và hệ thống giáo dục; các phương thức dạy học online thông qua mạng internet đang phát triển mạnh mẽ trên nền tảng ứng dụng IoT. Nhà trường từ chỗ khép kín chuyên sang mở cửa rộng rãi, đối thoại với xã hội.

- Việt Nam tham gia Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC) mở ra nhiều cơ hội cho đất nước phát triển và hội nhập quốc tế.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành các văn bản khung pháp lý để kiểm soát chất lượng đào tạo như Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/04/2015 về chuẩn kiến thức tối thiểu đối với các trình độ GDĐH, Thông tư số 24/2015/TT-BGDĐT ngày 23/09/2015 về Quy định chuẩn quốc gia đối với cơ sở giáo dục đại học, ... và xây dựng hệ thống văn bản kiểm định chất lượng đối với cơ sở đào tạo, chương trình đào tạo.
- Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Hội nghị BCH Trung ương 8 khoá XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đặt ra cho ngành sư phạm nói chung và mạng lưới các trường, khoa sư phạm kỹ thuật nói riêng những cơ hội và thách thức mới.
- Quyết định số 937/QĐ-TTg, ngày 30/6/2017 về phê duyệt đề án “Thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường ĐHSP Kỹ thuật TP. HCM (Đề án tự chủ)”.
- Luật số 34/2018/QH14 của Quốc hội khoá 14 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học.

### **1.1.2. Những cơ hội**

- Qua hơn 30 năm đổi mới và mở cửa, nền kinh tế nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn và có nhiều khởi sắc.
- Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Hội nghị BCH Trung ương 8 khoá XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đã tạo cơ sở cho sự phát triển toàn diện của nền giáo dục nước nhà.
- Thành phố Hồ Chí Minh nằm trong tam giác phát triển công nghiệp phía Nam, đầu tàu kinh tế của cả nước, nhu cầu về nhân lực có trình độ ngày càng cao.
- Hệ thống đại học đang trong thời kỳ đổi mới, công tác giáo dục nghề nghiệp được đặc biệt quan tâm.

- Quan hệ quốc tế của các trường được mở rộng, thông tin liên lạc với bên ngoài ngày càng dễ dàng hơn, việc giao lưu quốc tế trong công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học ngày càng phát triển.
- Cơ chế tự chủ tài chính của các trường đại học tạo sự chủ động trong việc phát huy các nguồn lực của trường.

### **1.1.3. Những thách thức**

- Xu thế hoà nhập, toàn cầu hoá nền kinh tế và sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế tri thức đòi hỏi sự đáp ứng cao của giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ.
- Hệ thống và chính sách quản lý vĩ mô của hệ thống giáo dục chưa theo kịp với yêu cầu phát triển của kinh tế thị trường.
- Sự hỗ trợ về tài chính của Nhà nước cho các trường đại học gia tăng không đáng kể.
- Nhiều trường đại học, cao đẳng mới được thành lập theo chủ trương xã hội hoá giáo dục dẫn đến xu hướng cạnh tranh giữa các nhà trường nhằm thu hút nguồn tuyển sinh, nâng cao chất lượng đào tạo để tồn tại và phát triển.
- Nhu cầu học tập của xã hội tăng nhanh đòi hỏi hệ thống giáo dục - đào tạo và nhà trường phải nỗ lực để đáp ứng.

## **1.2. Các yếu tố tác động bên trong, các điểm mạnh và tồn tại**

### **1.2.1. Hiện trạng của nhà trường**

- Hiện nay, Trường ĐHSP Kỹ thuật TPHCM có 16 Phòng - Ban chức năng; 13 Khoa; 18 Trung tâm trực thuộc trường; 02 Trung tâm trực thuộc Khoa (Trung tâm Công nghệ cao, Trung tâm GE-UTE); 05 Trung tâm trực thuộc Viện (Viện SPKT); 01 Viện nghiên cứu; 01 Trường Trung học Kỹ thuật thực hành; 50 Bộ môn; 14 nhóm ngành và 04 nhóm môn trực thuộc Khoa Đào tạo chất lượng cao; đào tạo 6 trình độ: Tiến sỹ - 07 ngành; cao học - 14 ngành; đại học - 39 ngành với trên 140 chương trình đào tạo.
- Hiện Nhà trường đang có quan hệ hợp tác với trên 30 trường đại học và các tổ chức nước ngoài.
- Tổng số cán bộ, viên chức cơ hữu tính đến ngày 31/12/2019 là 831 người.  
Trong đó:  
+ Giảng viên: **612 người** (chiếm 73,65%)

*Trong đó: 39 Phó Giáo sư, 174 Tiến sỹ, 369 Thạc sỹ, 30 Đại học.*

+ Cán bộ quản lý hành chính, nhân viên: **219 người** (chiếm 26,35%)

- Trường ĐHSP Kỹ thuật TPHCM hiện có 2 cơ sở đào tạo; diện tích đất khuôn viên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (số AB 454528 và AB 454530) do UBND Thành phố HCM cấp ngày 24/01/2005 là 218.655 m<sup>2</sup>, bao gồm diện tích khuôn viên đất cơ sở I (cơ sở chính) là 174.247 m<sup>2</sup>, cơ sở II là 44.408 m<sup>2</sup>.
- Tổng diện tích sàn xây dựng nhà - công trình hiện có là 140.370 m<sup>2</sup>, bao gồm:
  - Cơ sở I, diện tích nhà - công trình là 116.272 m<sup>2</sup> sàn xây dựng.
  - Cơ sở II, diện tích nhà - công trình là 24.098 m<sup>2</sup> sàn xây dựng; trong đó 5.438 m<sup>2</sup> diện tích phòng học và hệ thống xưởng là nhà cấp III và IV, được xây dựng từ trước năm 1970. Diện tích công trình đầu tư xây dựng mới 18.586 m<sup>2</sup> sàn xây dựng.
- Diện tích xây dựng bình quân xấp xỉ 6,40 m<sup>2</sup> sàn/sinh viên (chỉ tính cho số sinh viên hệ đào tạo chính quy).

### **1.2.2. Những điểm mạnh**

- Trong hệ thống sư phạm kỹ thuật Việt Nam, Trường ĐHSP Kỹ thuật TPHCM là trường đại học đầu ngành, có thời gian hoạt động dài nhất (từ năm 1962).
- Nhà trường sớm áp dụng Hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000 (từ 2005), thực hiện đánh giá chất lượng giáo dục theo các tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo (2005-2006, 2016) do đó công tác quản lý, quản trị và đảm bảo chất lượng của trường có tính hệ thống, chặt chẽ và hiệu quả.
- Chương trình đào tạo của Nhà trường theo hướng ứng dụng - nghề nghiệp, được định kỳ rà soát và điều chỉnh (04 năm/lần), được triển khai đổi mới từ chuẩn đầu ra, khối lượng, nội dung kiến thức, phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá theo tiếp cận CDIO, đã có 14 chương trình đào tạo được đánh giá ngoài theo bộ tiêu chuẩn của AUN-QA và được cấp chứng nhận đạt chuẩn chất lượng còn hiệu lực.
- Trường thu hút được ngày càng nhiều học sinh có năng lực học tập khá, giỏi từ các trường chuyên vào học tại trường thông qua các chính sách



khuyến tài và năng lực đào tạo đã được xã hội công nhận. Đề cao tinh thần phục vụ, cung cấp cho sinh viên môi trường học tập hiện đại, các chính sách hỗ trợ cho học tập, sinh hoạt, rèn luyện; chủ động, sáng tạo và trải nghiệm. Trường đang triển khai hệ thống đào tạo trực tuyến UTEX giúp sinh viên chủ động kế hoạch học tập tạo cơ hội hội nhập, hợp tác và chia sẻ.

- Trường có cơ sở vật chất và đội ngũ giảng viên đáp ứng tốt việc đào tạo theo định hướng ứng dụng - nghề nghiệp, đặc biệt về đào tạo kỹ năng thực hành. Đội ngũ giảng viên ngày càng được trẻ hoá; đội ngũ giảng viên có chức danh Phó Giáo sư, học vị tiến sĩ đã và đang tăng lên đáng kể trong những năm gần đây, góp phần nâng cao uy tín khoa học của Nhà trường.
- Trường có quan hệ nhiều mặt với các địa phương, doanh nghiệp trong cả nước; Trường là một trong những trung tâm hàng đầu của cả nước về nghiên cứu và triển khai khoa học giáo dục nghề nghiệp, làm nòng cốt thúc đẩy sự phát triển của hệ thống sư phạm kỹ thuật cả nước, tham mưu cho Nhà nước trong việc hoạch định các chính sách về giáo dục nghề nghiệp.
- Trường đã tiếp nhận nhiều nguồn vốn đầu tư, những sự hỗ trợ trong và ngoài nước; đã đưa vào khai thác có hiệu quả, tạo hiệu ứng lan tỏa tốt trong toàn bộ hệ thống về cơ sở vật chất, chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy, ... của các dự án thuộc diện hiệp định cấp quốc gia của Bộ Giáo dục - Đào tạo và của các nước như Hoa Kỳ, Liên bang Nga, Đức, Nhật Bản.

### **1.2.3. Những mặt tồn tại**

- Trường chưa có các giải pháp hợp lý để kiểm soát tỷ lệ hoàn thành môn học, bỏ học, tốt nghiệp đúng hạn.
- Trường vẫn còn thiếu cán bộ đầu đàn dẫn dắt các đề tài NCKH có quy mô lớn. Công tác nghiên cứu khoa học, quan hệ quốc tế còn nhiều hạn chế. Tỷ lệ sinh viên/giảng viên của một số ngành chưa đạt yêu cầu.
- Cơ sở vật chất của Trường chưa đáp ứng yêu cầu phát triển; đặc biệt, Trường còn thiếu những phòng thí nghiệm có các trang thiết bị thí nghiệm hiện đại để phục vụ nghiên cứu và đào tạo sau đại học.
- Nguồn lực tài chính hiện nay của Trường chưa đa dạng.

Tóm lại, Trường ĐHSP Kỹ thuật TPHCM có quá trình hình thành và phát triển lâu dài, trải qua gần 60 năm (1962 - 2020) đã không ngừng phấn đấu để tồn

tại và phát triển, đóng góp tích cực trong công tác đào tạo đội ngũ giáo viên dạy nghề và nguồn nhân lực cho đất nước, công tác nghiên cứu khoa học phục vụ các yêu cầu do xã hội và điều kiện thực tiễn đặt ra.

## **2. Tầm nhìn, sứ mạng, triết lý giáo dục, các giá trị và chính sách chất lượng**

### **TẦM NHÌN**

Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP HCM là đại học tự chủ toàn phần; là trung tâm đào tạo, nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp hàng đầu Việt Nam, ngang tầm với các trường đại học uy tín trong khu vực và thế giới.

### **SỨ MẠNG**

Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP HCM là cơ sở đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng theo định hướng ứng dụng; liên tục đổi mới sáng tạo, cung cấp nguồn nhân lực và các sản phẩm khoa học chất lượng cao trong các lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp, khoa học, công nghệ; đáp ứng các yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

### **TRIẾT LÝ GIÁO DỤC**

**Nhân  
bản**

**Sáng  
tạo**

**Hội  
nhập**

## **CÁC GIÁ TRỊ CỐT LÕI**

Các giá trị cơ bản của một nền giáo dục tiên tiến; hiện đại đã, đang và sẽ được Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP HCM tôn vinh, gìn giữ, phát huy một cách sáng tạo là:

- Gìn giữ và phát huy các giá trị truyền thống nhân văn của dân tộc Việt Nam.
- Nâng đỡ tài năng và tính sáng tạo, chú trọng đào tạo kỹ năng và trách nhiệm nghề nghiệp.
- Tôn trọng lợi ích của người học và của cộng đồng. Xây dựng xã hội học tập.
- Đề cao chất lượng, hiệu quả và sự đổi mới trong các hoạt động.
- Hội nhập, hợp tác và chia sẻ.

## **CHÍNH SÁCH CHẤT LƯỢNG**

*Không ngừng nâng cao chất lượng dạy, học, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng nhằm mang đến cho người học những điều kiện tốt nhất để phát triển toàn diện các năng lực đáp ứng nhu cầu phát triển và hội nhập quốc tế.*

### **3. Các mục tiêu chiến lược**

- Phát triển Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP HCM thành đại học thông minh; theo định hướng ứng dụng, đa ngành, đa lĩnh vực vào những năm 2025 - 2030, phù hợp các chuẩn mực khu vực và quốc tế; hoạt động tự chủ gắn với trách nhiệm giải trình, trách nhiệm xã hội.
- Đổi mới hệ thống quản lý - quản trị, nhân sự nhà trường, thúc đẩy tinh thần sáng tạo và khởi nghiệp, phát huy mọi tài năng và các nguồn lực.
- Xây dựng môi trường học thuật, NCKH và phục vụ cộng đồng trong Nhà trường, trở thành cơ sở giáo dục đại học hàng đầu Việt Nam.
- Xây dựng hệ thống CSVC và hệ thống công nghệ thông tin hiện đại đáp ứng đổi mới mô hình quản lý - quản trị, đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

## **4. Các giải pháp và chiến lược thực hiện**

### **4.1. Các giải pháp**

#### **4.1.1. Giải pháp 1: Cơ cấu tổ chức và đội ngũ**

##### **Các mục tiêu**

- Hoàn thiện cơ cấu tổ chức theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu quả, phù hợp với các chiến lược phát triển và cơ chế tự chủ của trường.
- Đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên đủ về số lượng, có trình độ đạt chuẩn, năng động, sáng tạo, hội nhập tốt.
- Môi trường làm việc chuyên nghiệp, hiện đại; phát huy tối đa quyền được làm việc, cống hiến, phát triển của người lao động.

##### **Các chiến lược hoạt động**

- Xây dựng đề án vị trí việc làm, thực hiện đánh giá cán bộ theo năng lực và xây dựng cơ chế trả lương theo hiệu quả công việc.
- Quy định rõ trách nhiệm, quyền hạn và tiêu chuẩn hoá các hoạt động.
- Xây dựng chính sách thu hút người giỏi;
- Xây dựng kế hoạch, triển khai đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên cho đội ngũ cán bộ, giảng viên và nhân viên phù hợp với các chiến lược phát triển của nhà trường; chú trọng đến định hướng ứng dụng IoT, tạo môi trường sáng tạo và học tập suốt đời.

##### **Hệ thống đo lường và các chỉ số thực hiện**

###### **➤ Hệ thống đo lường**

- Số lượng, chất lượng, tỷ lệ đội ngũ lãnh đạo và viên chức nhà trường.
- Số lượng và hiệu quả của các chính sách quản lý nguồn nhân lực mới.
- Cơ cấu tổ chức và số lượng các quy định, chính sách, tài liệu, ... để đảm bảo chất lượng các hoạt động của trường trong cơ chế tự chủ mới.

###### **➤ Hệ thống các chỉ số thực hiện**

- **Về đội ngũ đến 2022**

- + Về quy mô

- Tổng số CBVC cơ hữu: 1.011 người.

Trong đó:

- Giảng viên: 787 người (tỷ lệ 77,84%).
- Cán bộ quản lý và phục vụ: 224 người (tỷ lệ 22,16%).  
+ Về trình độ ngũ cán bộ giảng dạy
- 96,95% có trình độ sau đại học, trong đó 37,99% có trình độ tiến sỹ.
- **Về cơ cấu tổ chức**  
Cơ cấu tổ chức đến năm 2022, bao gồm:
  - Khoa: 14;
  - Các Trường, Viện nghiên cứu, trung tâm: 19
  - Các phòng, ban: 16;
  - Doanh nghiệp (spin-off): 1-3.
- **Về công tác cán bộ (cán bộ cơ hữu)**

TT	Chức danh	Năm			
		2019	2020	2021	2022
<b>I</b>	<b>Giảng viên</b>	<b>612</b>	<b>707</b>	<b>744</b>	<b>787</b>
1	Giáo sư, Phó giáo sư	39	45	55	65
2	Tiến sỹ, Tiến sỹ KH	174	199	218	234
3	Thạc sỹ	369	436	444	464
4	Đại học	30	27	27	24
<b>II</b>	<b>Cán bộ QLHC, nhân viên</b>	<b>219</b>	<b>220</b>	<b>222</b>	<b>224</b>
	<b>Tổng cộng (I + II)</b>	<b>831</b>	<b>927</b>	<b>966</b>	<b>1.011</b>

#### **4.1.2. Giải pháp 2: Cơ sở vật chất**

##### **Các mục tiêu**

- Quy hoạch và phát triển cơ sở vật chất và trang thiết bị của trường theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, hợp tác công - tư (PPP) hiệu quả, đáp ứng đổi mới mô hình, phương thức, phương pháp đào tạo, đảm bảo diện tích cho nhu cầu làm việc, học tập, sinh hoạt, thể dục thể thao, ... cho đội ngũ cán bộ viên chức, sinh viên.
- Hệ thống quản trị và quản lý hồ sơ dự án đúng quy định của nhà nước, của Bộ GD&ĐT.

##### **Các chiến lược hoạt động**

- Xây dựng quy hoạch tổng thể 1/500 cơ sở I.
- Xây dựng hệ thống các dự án đầu tư về cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện, ký túc xá, thể dục thể thao theo định hướng hợp tác công tư (PPP).
- Xây dựng và triển khai dự án Trung tâm Học liệu số - thông minh.
- Xây dựng và triển khai 02 dự án KTX Chất lượng cao mới tại cơ sở I (01. Võ Văn Ngân, Quận Thủ Đức) và tại cơ sở II (484. Lê Văn Việt, Quận 9).
- Phát triển hệ thống phần mềm quản trị hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị thông minh, nâng cao hiệu quả sử dụng, quản trị được rủi ro; áp dụng công nghệ mới để góp phần tự động hóa các quá trình giám sát, cung cấp dữ liệu cho duy tu, bảo trì, bảo dưỡng cơ sở vật chất và trang thiết bị.

### **Hệ thống đo lường và các chỉ số thực hiện**

#### **➤ Hệ thống đo lường**

- Bản quy hoạch xây dựng 1/500 cơ sở I.
- Tỷ lệ đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị theo phương thức kết hợp công tư (PPP) các hạng mục giảng đường, nhà xưởng, phòng thí nghiệm, ký túc xá, thư viện, các máy móc, thiết bị thí nghiệm, trang thiết bị dạy học khác, ...
- Số lượng phần mềm/module quản trị thông minh CSVC, trang thiết bị, tư liệu dạy - học - kiểm tra đánh giá.

#### **➤ Hệ thống các chỉ số thực hiện**

##### **• Xây dựng cơ bản**

+ Xây mới: 83.810 m<sup>2</sup>.

Trong đó:

- Nhà học và xưởng thực hành khu F1 6.257 m<sup>2</sup>.
- Xưởng cơ điện tử 3.333 m<sup>2</sup>.
- Trung tâm học liệu số 10.000 m<sup>2</sup>.
- Ký túc xá E 10.761 m<sup>2</sup>.
- Ký túc xá F 2.882 m<sup>2</sup>.
- Nhà luyện tập thể dục, thể thao 25.000 m<sup>2</sup>.
- Siêu thị sinh viên 2 1.667 m<sup>2</sup>.
- Khu văn phòng (A), Ký túc xá B & C (cơ sở 2) 22.910 m<sup>2</sup>.
- + Khu văn phòng, dịch vụ KTX (Nhà A) - 2.910 m<sup>2</sup>.

- + Ký túc xá B - 10.000 m<sup>2</sup>.
- + Ký túc xá C - 10.000 m<sup>2</sup>.
- + Bảo trì, chống xuống cấp công trình hiện có: 25.000 m<sup>2</sup>.
- **Trang thiết bị cho các phòng thí nghiệm**
  - + Thiết bị thí nghiệm, thực hành: 24 dự án.
  - + Thiết bị lẻ: Mỗi năm đầu tư khoảng 13,4 tỷ đồng.
- **Xây dựng thư viện, thông tin, tài liệu**
  - + Triển khai hồ sơ lập dự án đầu tư xây dựng Trung tâm học liệu số.
  - + Mua bổ sung trên 32.000 bản tài liệu mới, trong đó có 20% tài liệu ebook của nước ngoài.

### **4.1.3. Giải pháp 3: Tài chính**

#### **Mục tiêu**

- Sử dụng có hiệu quả kinh phí đầu tư của Nhà nước, bảo đảm năng lực tài chính vững mạnh.
- Đa dạng hóa nguồn thu; đáp ứng kịp thời và đầy đủ cho các hoạt động của trường, nâng cao đời sống CBVC; quản lý tài chính công khai, minh bạch, theo quy định; thực hiện cơ chế phân bổ tài chính và đầu tư có thu hồi và cạnh tranh lành mạnh giữa các đơn vị.

#### **Các chiến lược thực hiện**

Tăng thu từ các hoạt động theo thứ tự ưu tiên sau đây:

- + Các dự án hợp tác công tư (PPP);
- + Tài trợ;
- + Dịch vụ;
- + Hoạt động NCKH, tư vấn, chuyển giao công nghệ;
- + Tiết kiệm, sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất.

#### **Hệ thống đo lường và các chỉ số thực hiện**

##### **➤ Hệ thống đo lường**

- Tổng thu và cơ cấu nguồn thu (theo tỷ lệ phần trăm) hàng năm.
- Tổng chi và cơ cấu chi (theo tỷ lệ phần trăm) hàng năm.
- Số liệu dự toán nhu cầu và thực hiện thực tế về đảm bảo tài chính cho các

hoạt động chức năng của trường.

➤ **Hệ thống các chỉ số thực hiện**

<b>TT</b>	<b>Công việc</b>	<b>2020</b>	<b>2021</b>	<b>2022</b>
1.	Triển khai cơ chế tài chính theo QĐ 937/QĐ-TTg về thí điểm cơ chế tự chủ.	X	X	X
2.	Hoàn thiện, cập nhật, thay đổi Quy chế chi tiêu nội bộ đáp ứng được nhu cầu về các mặt hoạt động của Nhà trường.	X	X	X
3.	Xây dựng hệ thống dữ liệu thống kê tài chính.		X	X
4.	Chạy thử & hiệu chỉnh phần mềm quản lý hệ thống dữ liệu thống kê tài chính.			X
5.	Huy động hiệu quả mọi nguồn lực tài chính hợp pháp từ các nguồn chuyên giao công nghệ, vốn vay từ các tổ chức tài chính trong nước và quỹ đầu tư tài chính.	X	X	X
6.	Cân đối các hoạt động chi thường xuyên phân bổ theo tỷ lệ, tiết kiệm chi để trích lập quỹ phát triển sự nghiệp để đầu tư mới và sửa chữa CSVN của nhà trường.	X	X	X
7.	Phát triển các chương trình liên kết quốc tế, chương trình chất lượng cao.	X	X	X
8.	Tăng cường công tác quan hệ đối ngoại, quảng bá, kêu gọi hợp tác đầu tư.	X	X	X

## **4.2. Các chiến lược**

### **4.2.1. Chiến lược 1: Hệ thống quản lý - quản trị**

#### **Các mục tiêu**

- Ứng dụng hiệu quả CNTT-TT vào tiến trình hoạch định, tổ chức, lãnh đạo và kiểm soát những hoạt động của các thành viên trong nhà trường và sử dụng hiệu quả các nguồn lực khác của trường và xã hội. Cung cấp đầy đủ quy chế, quy định quản lý hành chính, quản lý đào tạo, quản lý người học theo chuẩn mực khu vực và quốc tế, tác nghiệp trực tuyến giảm thiểu thời gian chờ đáp ứng.
- Hoàn thiện hệ thống quản lý - quản trị bảo đảm sự bền vững, minh bạch cũng như kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác quản lý - quản trị.
- Xây dựng, rà soát, điều chỉnh các chính sách, quy định và hướng dẫn hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng và quản lý hành



chính.

- Thực hiện lộ trình tự chủ đã được phê duyệt và hoàn thiện cơ chế tự chủ cho một số đơn vị trong nhà trường, đảm bảo công tác quản lý hành chính theo đúng pháp luật nhà nước, theo chuẩn mực khu vực và quốc tế.
- Tiếng Anh trở thành ngôn ngữ chính thức của trường vào năm 2022.

### **Các chiến lược hoạt động**

- Ứng dụng triệt để CNTT-TT trong quản lý, hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng; tự do học thuật và chuẩn mực đạo đức, công tác quản lý hành chính.
- Xây dựng đề án kiện toàn hệ thống quản lý - quản trị nhà trường theo cơ chế tự chủ đã được phê duyệt. Xây dựng các quy định chung, kế hoạch và lộ trình tự chủ cho một số đơn vị có khả năng tự chủ trong nhà trường.
- Hệ thống lưu giữ văn bản, rà soát, đánh giá và phổ biến các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục quản lý - quản trị được duy trì và triển khai có hiệu quả. Lập kế hoạch, rà soát, xây dựng và điều chỉnh các quy chế, chức năng nhiệm vụ, các hướng dẫn phối hợp hoạt động đến từng bộ phận quản lý - quản trị.
- Xây dựng thương hiệu nhà trường và tăng cường quảng bá hình ảnh của trường với xã hội.
- Xây dựng kế hoạch nâng cao năng lực tiếng Anh cho CBVC; triển khai kiểm tra năng lực tiếng Anh của CBVC, mở các lớp bồi dưỡng tiếng Anh phù hợp với trình độ CBVC, cử CBVC tham gia các khóa học tiếng Anh ở nước ngoài, mua các tài khoản về các khóa học tiếng Anh hỗ trợ CBVC.

### **Hệ thống đo lường và các chỉ số thực hiện**

#### **➤ Hệ thống đo lường**

- Triết lý giáo dục, tầm nhìn, sứ mạng các giá trị văn hóa, chính sách chất lượng; các mục tiêu phát triển chiến lược được xác định cụ thể, rõ ràng, đáp ứng được thực trạng (trong và ngoài trường) và sự hài lòng của các bên liên quan, được phổ biến và triển khai thực hiện, thường xuyên được rà soát, cải tiến.
- Mức độ tin học hoá trong quản lý - quản trị, hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

- Hệ thống quản trị theo cơ chế tự chủ được hoàn thiện, được rà soát, được cải tiến theo quy định hiện hành của pháp luật đảm bảo trách nhiệm giải trình, tính bền vững và sự minh bạch cũng như để giảm thiểu các rủi ro trong quá trình quản trị của trường.
- Các mục tiêu chiến lược, các quyết định quản lý được chuyển thành các kế hoạch hành động, chính sách và hướng dẫn thực hiện.
- Tỷ lệ CBVC sử dụng thành thạo tiếng Anh trong công việc.

➤ **Hệ thống các chỉ số thực hiện**

- Bản Kế hoạch chiến lược phát triển trường giai đoạn 2017-2022, tầm nhìn 2030 được phê duyệt, công bố công khai, triển khai thực hiện và rà soát định kỳ.
- Thí điểm sáp nhập một số khoa thành trường trong trường.
- 90% các hoạt động quản lý - quản trị, đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được quản lý bằng các phần mềm, các module ứng dụng.
- Chỉ số hài lòng của các bên liên quan về hệ thống quản lý - quản trị của nhà trường được nâng cao qua mỗi năm học.
- Các danh hiệu, thành tích thi đua của các cá nhân, đơn vị, tổ chức Đảng, đoàn thể qua các năm học.
- 90% giảng viên đạt trình độ tiếng Anh từ 5.5 IELTS trở lên, tiếng Anh trở thành ngôn ngữ chính thức của trường vào năm 2022.

#### **4.2.2. Chiến lược 2: Đào tạo và người học**

##### **Các mục tiêu**

- Đào tạo người tốt nghiệp trình độ đại học đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo đã công bố; phù hợp với điều kiện của người học và theo yêu cầu, xu thế phát triển thị trường lao động.
- Thu hút được ngày càng nhiều học sinh có năng lực học tập khá, giỏi vào học tại trường; mọi hoạt động của nhà trường đều hướng đến vì lợi ích và sự tiến bộ của người học; tăng cường các hoạt động với cựu sinh viên.

##### **Các chiến lược hoạt động**

- Hoàn thiện quy trình đào tạo và đảm bảo chất lượng đào tạo theo tiếp cận CDIO, cung cấp cho người học môi trường hỗ trợ cho học tập, sinh hoạt,

rèn luyện chủ động, sáng tạo và trải nghiệm.

- Xây dựng đề án đổi mới, sử dụng tối đa công nghệ vào công tác quản lý đào tạo và trong triển khai giảng dạy - học tập - kiểm tra đánh giá. Chuẩn bị và triển khai hệ thống đào tạo trực tuyến UTEx.
- Thực hiện thiết kế các chương trình đào tạo, giảng dạy và học tập theo học thuyết kiến tạo (constructivism), chủ động và trải nghiệm (active and experiential); đảm bảo sự phát triển bền vững và đủ năng lực cạnh tranh trong và ngoài nước với xu thế tự chủ đại học.
- Điều chỉnh cơ cấu quy mô đào tạo theo trình độ đào tạo, loại hình đào tạo: mở rộng quy mô đào tạo chất lượng cao, thạc sỹ, tiến sỹ; triển khai loại hình đào tạo văn bằng hai và hai văn bằng; tăng cường liên kết đào tạo quốc tế, tổ chức đào tạo sinh viên nước ngoài một số ngành.
- Phát triển các chương trình đào tạo mới đáp ứng yêu cầu của xã hội và người học. Chương trình đào tạo mới đảm bảo tương đối ổn định nhưng vẫn có thể được điều chỉnh kịp thời để sát hợp với thực tiễn và cập nhật hoá kiến thức. Xây dựng các chương trình đào tạo theo chuẩn quốc tế, tổ chức giảng dạy một số môn học bằng tiếng Anh đảm bảo sự phát triển bền vững và đủ các năng lực cạnh tranh trong và ngoài nước với xu thế tự chủ đại học.
- Đổi mới công tác tuyển sinh để đảm bảo chất lượng năng lực kiến thức của sinh viên đầu vào ở mức cao và đồng đều.
- Cung cấp đầy đủ cho người học trang thiết bị, công cụ, tài liệu phục vụ cho học tập và các trải nghiệm khác: Các môn học phải có đủ tư liệu Dạy - Học - Kiểm tra đánh giá ở dạng số theo các chuẩn mực chất lượng sư phạm và khoa học giáo dục của khu vực và quốc tế.
- Phát triển quỹ học bổng khuyến khích sinh viên. Cải tiến các quy trình thủ tục, biểu mẫu hành chính cần cung cấp cho SV. Duy trì và đẩy mạnh công tác đối thoại giữa SV với lãnh đạo nhà trường. Tổ chức tốt công tác tư vấn, dịch vụ cho SV. Đẩy mạnh công tác khảo sát ý kiến phản hồi của SV, cựu sinh viên sau tốt nghiệp. Tổ chức các hoạt động tạo cơ hội cho cựu sinh viên tham gia, đóng góp vào sự phát triển của trường thông qua các hoạt động hỗ trợ tài chính, tinh thần hoặc cùng tham gia vào các chương trình do trường triển khai.

## **Hệ thống đo lường và các chỉ số thực hiện**

### ➤ **Hệ thống đo lường**

- Số lượng đăng ký xét tuyển, tỷ lệ nhập học, phân loại trình độ nhập học; tỷ lệ người học học đúng tiến độ, kéo dài, thôi học; tỷ lệ người học tốt nghiệp vượt, đúng, kéo dài tiến độ học tập, ...
- Số lượng các chương trình đào tạo đáp ứng xu thế của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.
- Quy mô đào tạo, tỷ lệ phần trăm sinh viên ở các lĩnh vực, loại hình, trình độ đào tạo.
- Số lượng chương trình đào tạo được kiểm định chất lượng theo các tiêu chuẩn khu vực và quốc tế.
- Tỷ lệ phần trăm các chương trình đào tạo, môn học được giảng dạy, kiểm tra đánh giá bằng tiếng Anh, online.
- Tỷ lệ CBGD thực hiện đổi mới phương pháp, kỹ thuật, hình thức Dạy - học - kiểm tra đánh giá.
- Số lượng và tỷ lệ người học được nhận học bổng.
- Số lượng và tỷ lệ người học tham gia NCKH, viết báo khoa học ngay trong quá trình học tập.

### ➤ **Hệ thống các chỉ số thực hiện**

- Các lĩnh vực đào tạo (theo cấp danh mục cấp III): 10.
  - Công nghệ kỹ thuật 61,6%.
  - Kỹ thuật 2,2%.
  - Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên 0,5%.
  - Máy tính và công nghệ thông tin 12,0%.
  - Sản xuất và chế biến 7,0%.
  - Kinh doanh và quản lý 10,0%.
  - Nghệ thuật 1,2%.
  - Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân 1,5%.
  - Nhân văn 1,7%.
  - Kiến trúc và xây dựng 2,3%.
- Quy mô đào tạo các hệ, trình độ đào tạo đến 2022:

- Tổng số: 30.000 SV, bao gồm:
- Đào tạo chính quy: 78%.  
Trong đó:
  - + Đào tạo đại trà: 40%.
  - + Đào tạo chất lượng cao: 55%.
  - + Đào tạo sau đại học: 5%.
- Đào tạo hợp tác quốc tế: 5%.
- Đào tạo không chính quy: 17%.
- Bồi dưỡng ngắn hạn: 10.000 người/năm.

- Số ngành đào tạo:
  - + Trình độ tiến sỹ: 8 ngành.
  - + Trình độ cao học: 15 ngành.
  - + Trình độ đại học: 42 ngành.

### **4.2.3. Chiến lược 3: Hệ thống thông tin và dạy học số**

#### **Các mục tiêu**

- Hạ tầng CNTT - TT, Dạy học số băng thông rộng, đáp ứng yêu cầu sử dụng liên tục; hệ thống các phần mềm hoạt động đồng bộ, có tính liên kết cao, dễ sử dụng, hỗ trợ đa nền tảng và khai thác hiệu quả hệ thống cơ sở dữ liệu lớn (big data) của Nhà trường;
- Thiết lập hệ thống cơ sở dữ liệu lớn, tích hợp hệ thống kiểm soát, cảnh báo, hệ thống các module ứng dụng thực hiện thống kê, phân tích và báo cáo kịp thời, trực tuyến; đảm bảo an toàn thông tin và an ninh mạng cả trong hệ thống CNTT - TT và Dạy học số với sự ổn định và độ tin cậy cao;
- Nâng cao năng lực làm chủ hệ thống công nghệ thông tin nói chung và công nghệ phần mềm nói riêng của Nhà trường, đáp ứng nhu cầu cấp bách hiện nay trong tổ chức quản lý, quản trị đại học và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cung cấp cho thị trường lao động trong nước và quốc tế.
- Phát huy vai trò tự chủ và nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học, tiến tới chuyển giao công nghệ thuộc lĩnh vực phát triển công nghệ phần mềm của nhà trường cho các đối tác, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội trong thời kỳ cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay.

- Cải tạo và nâng cấp toàn diện hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin trong Nhà trường nhằm đạt được các tiêu chuẩn về xử lý, lưu trữ cũng như vấn đề an toàn thông tin và bảo mật dữ liệu ở mức cao, từng bước đưa Nhà trường trở thành một trường đại học thông minh trong hệ thống các trường đại học trên cả nước.
- Nghiên cứu khả thi, thiết kế, triển khai hệ sinh thái cho các phần mềm quản lý mới, dựa trên các nền tảng công nghệ tiên tiến có độ tin cậy cao, đồng bộ, đảm bảo an toàn thông tin và bảo mật cơ sở dữ liệu cho toàn bộ hệ thống dữ liệu lớn, kết nối băng thông rộng theo thời gian thực thay thế hoàn toàn hệ thống các phần mềm cũ đã lạc hậu và kém hiệu quả.

### **Các chiến lược hoạt động**

- Xây dựng chính sách, quy trình quản lý CNTT - TT, Dạy học số; đặc biệt là chính sách an toàn thông tin/an ninh mạng để làm nền tảng cho mọi hoạt động ứng dụng CNTT trong toàn trường (cả công tác quản lý và công tác giảng dạy).
- Xây dựng phát triển đội ngũ nguồn nhân lực CNTT, đội ngũ trung tâm dạy học số, hình thành “Trung tâm điều hành” đủ năng lực đáp ứng tốt cho việc triển khai, vận hành, hỗ trợ người dùng cuối (GV&SV) và phát triển các ứng dụng mới nhằm đáp ứng cho các hoạt động quản lý, đào tạo và theo định hướng phát triển dạy học số của nhà trường.
- Xây dựng hệ thống CNTT-TT băng thông rộng, hệ thống CSDL lớn (big data) đồng bộ, từng bước hoàn thiện và phát triển các module ứng dụng trong thống kê, phân tích, đánh giá dữ liệu phục vụ cho công tác quản trị - quản lý, cải tiến chất lượng đào tạo, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng dựa trên dữ liệu đã được phân tích, đánh giá đáp ứng yêu cầu nghiệp vụ của các đơn vị trong trường.
- Từng bước triển khai cơ sở hạ tầng kết nối (các trang thiết bị CNTT, phòng thí nghiệm hiện đại) đáp ứng nhu cầu sử dụng, nghiên cứu và học tập ứng dụng online/mobile learning.
- Trang bị hệ thống bảo mật thông tin, giám sát mạng, lưu trữ và sao lưu dữ liệu; hệ thống dự phòng nhằm đảm bảo hệ thống hoạt động liên liên tục, phát hiện sớm, hạn chế tấn công mạng/phần mềm; cảnh báo rủi ro, ứng phó kịp thời trước các nguy cơ tấn công hệ thống CNTT của trường.

- Xây dựng hệ thống quản lý hoạt động và lưu trữ dữ liệu (Data Center) cho hệ sinh thái HCMUTE 4.0 (ba giai đoạn theo kế hoạch chiến lược CNTT-TT giai đoạn 2017-2022, tầm nhìn 2030 của Nhà trường).

### **Hệ thống đo lường và các chỉ số thực hiện**

#### ➤ **Hệ thống đo lường**

- Chất lượng thông số kỹ thuật của hệ thống CNTT đối sánh với khu vực và quốc tế.
- Kích cỡ và các thành phần của cơ sở dữ liệu lớn.
- Số lượng module phân tích cơ sở dữ liệu.
- Số lượng, cấp độ đạt được của các khóa dạy học số được triển khai.

#### ➤ **Hệ thống các chỉ số thực hiện**

- Hệ thống các phần mềm, các module ứng dụng trong thống kê, phân tích, đánh giá dữ liệu phục vụ cho công tác quản trị - quản lý, bao gồm:

<b>TT</b>	<b>Tên phần mềm/module ứng dụng</b>	<b>2020</b>	<b>2021</b>	<b>2022</b>
1.	Website Hệ thống Quản lý nhân sự	x	x	
2.	Website Hệ thống Quản lý hành chính điện tử	x		
3.	Website Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong ( <a href="http://iqa.hcmute.edu.vn">http://iqa.hcmute.edu.vn</a> )	x		
4.	Website Hệ thống Quản trị Cơ sở vật chất ( <a href="http://ams.hcmute.edu.vn">http://ams.hcmute.edu.vn</a> )	x		
5.	Website Hệ thống Quản trị thước đo mục tiêu trọng yếu	x	x	x
6.	Website Hệ thống Quản lý đào tạo đại học	x	x	x
7.	Website Hệ thống đăng ký môn học trực tuyến		x	x
8.	Website Hệ thống đóng học phí trực tuyến		x	x
9.	Website Hệ thống Quản lý sau đại học ( <a href="http://pgm.hcmute.edu.vn">http://pgm.hcmute.edu.vn</a> )	x		
10.	Website Hệ thống Quản lý ký túc xá		x	x
11.	Website Dashboard Cơ sở giáo dục ( <a href="http://dashboard.hcmute.edu.vn">http://dashboard.hcmute.edu.vn</a> )	x	x	
12.	Website Hệ thống Tra cứu thông tin tuyển sinh đại học ( <a href="http://tracuuxetuyen.hcmute.edu.vn">http://tracuuxetuyen.hcmute.edu.vn</a> )	x		
13.	Website Hệ thống Quản lý đào tạo liên kết quốc tế		x	x
14.	Website Hệ thống Quản lý nhà ăn Công đoàn ( <a href="http://sc.hcmute.edu.vn">http://sc.hcmute.edu.vn</a> )	x		
15.	Website Hệ thống Quản lý thi trắc nghiệm online		x	x
16.	Website Hệ thống Quản lý đào tạo hệ vừa làm vừa học		x	x

17.	Website Hệ thống Quản lý và điều phối và vận hành xe trường	x		
18.	Website Hệ thống Quản lý phòng cho Phòng Quan hệ Doanh nghiệp ( <a href="http://ero.hcmute.edu.vn">http://ero.hcmute.edu.vn</a> )	x		
19.	Website Hệ thống Quản lý học vụ của trung tâm phát triển ngôn ngữ	x	x	
20.	Website Hệ thống Quản lý thu nhập cá nhân ( <a href="http://quanlythunhap.hcmute.edu.vn/">http://quanlythunhap.hcmute.edu.vn/</a> )	x		
21.	Website Hệ thống Quản lý Nghiên cứu khoa học	x		
22.	Website Hệ thống phần mềm quản lý khóa học trực tuyến UTEEx ( <a href="https://utex.hcmute.edu.vn">https://utex.hcmute.edu.vn</a> )	x	x	
23.	Website Hệ thống phần mềm quản lý học trực tuyến trong trường UTEELMS	x	x	

- 100% các môn học lý thuyết triển khai theo blended learning.
- 20% môn học lý thuyết được triển khai đạt cấp độ 3 trên hệ thống LMS/FHQLMS.
- 10% môn học lý thuyết được triển khai trên UTEEx.

#### **4.2.4. Chiến lược 4: Đảm bảo chất lượng**

##### **Các mục tiêu**

- Có chiến lược về đảm bảo chất lượng theo các chuẩn mực khu vực và quốc tế; đảm bảo phản hồi liên tục, cải tiến liên tục; xác định nhanh và rõ ràng các nguyên nhân chính gây ra lỗi để từng bước đảm bảo năng lực sinh viên tốt nghiệp theo chuẩn đầu ra và thị trường lao động.
- Hoàn thiện hệ thống quy trình đánh giá mục tiêu chất lượng của trường và các đơn vị. Đánh giá kết quả thực hiện dựa trên dữ liệu và minh chứng.

##### **Các chiến lược hoạt động**

- Xây dựng chiến lược về đảm bảo chất lượng để hoàn thiện hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong của trường; đặc biệt nhấn mạnh đảm bảo và nâng cao chất lượng các hoạt động chức năng phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng, các mục tiêu tổng quát của trường góp phần củng cố và hoàn thiện văn hoá chất lượng trong nhà trường; củng cố và hoàn thiện hệ thống đảm bảo chất lượng của nhà trường theo các chuẩn của khu vực và quốc tế.
- Định kỳ xem xét và tự đánh giá lại hoạt động của trường theo các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng hiện hành trong các năm tiếp theo.
- Duy trì, nâng cấp hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO, thực



hiện các hoạt động đánh giá nội bộ thường xuyên và định kỳ các đơn vị; biên soạn mới, cập nhật, chỉnh sửa các quy trình và các tài liệu khác trong hệ thống tài liệu ISO cho phù hợp với tình hình hoạt động hiện tại của nhà trường.

- Triển khai đánh giá các chương trình đào tạo, cơ sở giáo dục của nhà trường theo tiêu chuẩn AUN-QA. Chuẩn bị tiến hành đánh giá theo tiêu chuẩn ABET một số chương trình công nghệ kỹ thuật của trường.
- Nghiên cứu, chuẩn bị triển khai xếp hạng nhà trường theo các tiêu chuẩn của khu vực và quốc tế.

### **Hệ thống đo lường và các chỉ số thực hiện**

#### **➤ Hệ thống đo lường**

- Bản kế hoạch chiến lược đảm bảo chất lượng được phê duyệt, số lượt tham gia đào tạo, bồi dưỡng về xếp hạng cơ sở giáo dục và đánh giá các chương trình đào tạo theo các tiêu chuẩn khu vực và thế giới; số lượng và tỷ lệ cán bộ viên chức tham gia tập huấn về đảm bảo chất lượng.
- Số lượng và tỷ lệ các kế hoạch đảm bảo chất lượng của các đơn vị trực thuộc được xây dựng dựa trên chiến lược về đảm bảo chất lượng đã được phê duyệt.
- Kết quả đánh giá chất lượng cấp cơ sở giáo dục vào năm 2020.
- Số lượng, tỷ lệ các chương trình đào tạo được đánh giá chất lượng theo các bộ tiêu chuẩn của khu vực và thế giới.

#### **➤ Hệ thống các chỉ số thực hiện**

<b>TT</b>	<b>Công việc</b>	<b>2020</b>	<b>2021</b>	<b>2022</b>
1	Tích hợp kết quả đánh giá nội bộ với kết quả đánh giá KPIs	x	x	x
2	Củng cố hệ thống ĐBCL bên trong và cập nhật Sổ tay chất lượng	x	x	x
3	Cải tiến phương pháp xây dựng và đánh giá công việc theo MTCL	x	x	x
4	Hoàn thiện hệ thống ĐBCL bên trong và văn hoá chất lượng	x	x	x
6	Đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục theo AUN-QA	x		
7	Đánh giá chất lượng 4 CTĐT theo AUN-QA			x

8	Cải tiến các chương trình đào tạo đã đạt chuẩn theo chuẩn AUN-QA	X	X	X
9	Cải tiến cơ sở giáo dục sau đánh giá theo chuẩn AUN-QA	X	X	X
10	Cải tiến các loại hình khảo sát	X	X	X
11	Tiếp tục cử nhân sự tham gia đào tạo về đảm bảo chất lượng	X	X	X

#### **4.2.5. Chiến lược 5: Hợp tác trong và ngoài nước**

##### **Các mục tiêu**

- Gắn kết chặt chẽ, hiệu quả với cơ sở, tổ chức giáo dục, khoa học, công nghệ, doanh nghiệp có vị thế và đẳng cấp cao trong và ngoài nước, góp phần tăng nguồn tài chính, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ CBVC, nâng cao vị thế và uy tín của trường trong khu vực và thế giới để hiện thực hoá tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của trường.

##### **Các chiến lược hoạt động**

- Chủ động tìm đến hoặc tận dụng mối quan hệ với các đối tác có uy tín và tiềm năng, phù hợp với mục tiêu phát triển của Nhà trường để thiết lập các mối liên kết đào tạo, trao đổi học thuật và giao lưu văn hoá.
- Đẩy mạnh chương trình trao đổi giảng viên và quy chế tương ứng nhằm thu hút giảng viên nước ngoài đến giảng dạy hoặc gửi giảng viên của Trường đi giảng dạy ở nước ngoài (visiting professors).
- Xây dựng quy chế hỗ trợ và khuyến khích giảng viên, nghiên cứu sinh của Trường hợp tác NCKH với giảng viên nước ngoài.
- Thiết lập thêm các chương trình trao đổi sinh viên dài hạn, ngắn hạn, trại Hè, trại Đông để thu hút sinh viên quốc tế đến và gửi sinh viên của Trường đi giao lưu học hỏi, tiến đến mở rộng mạng lưới công nhận tín chỉ với các trường bạn.
- Liên tục tìm kiếm các cơ hội, chương trình nâng cao năng lực tiếng Anh cho giảng viên và sinh viên của Trường.
- Hỗ trợ trong phạm vi liên quan về các thủ tục cần thiết cho việc kiểm định chất lượng chương trình đào tạo và kiểm định nhà trường.
- Liên tục xây dựng và triển khai các chương trình đào tạo song phương ở cả

2 cơ sở hợp tác (Trường ĐH Sư phạm Kỹ thuật TPHCM và Trường đối tác), thực hiện với bậc đào tạo Đại học, Cao học và Nghiên cứu sinh.

- Xây dựng các dự án ODA để chủ động và đón đầu các hoạt động đầu tư của đối tác, qua đó phát triển trình độ năng lực và cơ sở vật chất của nhà trường.
- Liên tục củng cố các mối quan hệ với khối doanh nghiệp nhằm đem lại các kết quả về tài trợ thiết bị, tài chính, học bổng cho sinh viên đồng thời nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cung ứng cho khối doanh nghiệp trong và ngoài nước.

### **Hệ thống đo lường và các chỉ số thực hiện**

#### **➤ Hệ thống đo lường**

- Số lượng và thứ hạng của các trường được thiết lập quan hệ.
- Số lượng và tỷ lệ giảng viên và sinh viên tham gia các chương trình trao đổi, chương trình nâng cao năng lực tiếng Anh.
- Số lượng và trình độ các chương trình đào tạo song phương.
- Tổng số tiền nhận trực tiếp hay được quy ra tiền thông qua các quan hệ hợp tác.

#### **➤ Hệ thống các chỉ số thực hiện**

<b>TT</b>	<b>Công việc</b>	<b>2020</b>	<b>2021</b>	<b>2022</b>
1	Duy trì hàng năm ít nhất 1 dự án quốc tế mới	x	x	x
2	Duy trì hàng năm ít nhất 1 chương trình trao đổi sinh viên	x	x	x
3	Mỗi năm tìm kiếm được 20 suất học bổng cho giảng viên và sinh viên học tập nâng cao chuyên môn hoặc/và ngoại ngữ	x	x	x
4	Mời được ít nhất 02 giảng viên nước ngoài đến giảng dạy ngắn hạn hoặc dài hạn tại Trường	x	x	x
5	Cập nhật quy chế cho việc hợp tác nghiên cứu của giảng viên Nhà trường với đối tác nước ngoài	x	x	x
6	Hàng năm thiết lập được 10 đoàn ra, đón tiếp 20 đoàn vào	x	x	x
7	Tổ chức đoàn ra học tập nâng cao trình độ tiếng Anh ở nước ngoài	x	x	x
8	Hỗ trợ công tác đánh giá AUN cấp chương trình đào tạo và cấp trường	x	x	x
9	Hàng năm tổ chức các hoạt động kết nối Nhà trường - Doanh nghiệp - Sinh viên về cơ hội thực tập và việc làm	x	x	x
10	Nâng cao số lượng tuyển sinh và mở rộng diện đối tác cho các chương trình hợp tác đào tạo quốc tế	x	x	x

11	Thêm đầu mục mở rộng liên kết đào tạo quốc tế: thêm 1 chương trình liên kết đào tạo mới (năm 2021 và năm 2022)		x	x
----	----------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--	---	---

#### **4.2.6. Chiến lược 6: Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ**

##### **Các mục tiêu**

- Đầu tư cho nhóm nghiên cứu đủ năng lực thực hiện các vấn đề trọng yếu quốc gia, hợp tác với nước ngoài. Thực hiện nghiên cứu khoa học theo hướng đặt hàng của Chính phủ, các bộ ngành, các địa phương và doanh nghiệp.
- Nâng cao chất lượng công trình nghiên cứu khoa học, tập trung vào lĩnh vực nghiên cứu khoa học kỹ thuật công nghệ và khoa học giáo dục.

##### **Các chiến lược hoạt động**

- Ưu tiên đề tài có khả năng ứng dụng cao, các sản phẩm mũi nhọn/đặc thù của trường, tập trung hỗ trợ từ khi nghiên cứu, hoàn thiện sản phẩm, đến khi sản xuất hàng loạt để thương mại hoá các sản phẩm khoa học công nghệ.
- Thành lập các doanh nghiệp KHCN (Doanh nghiệp spin-off).
- Xây dựng tạp chí Khoa học Giáo dục Kỹ thuật đạt chuẩn Asean Citation Index.
- Thực hiện phân cấp trong quản lý và sử dụng kinh phí, thiết bị phục vụ KHCN. Xây dựng quy chế nhóm nghiên cứu trọng điểm theo mô hình khoán kinh phí tương ứng với số lượng, chất lượng của các hoạt động, công trình KHCN và giảng dạy đăng ký thực hiện.
- Củng cố và nâng cao hiệu quả của Trung tâm Nghiên cứu và chuyển giao công nghệ, Viện Sư phạm kỹ thuật, Trung tâm nghiên cứu Năng lượng tái tạo.
- Đẩy mạnh việc nghiên cứu sản xuất học liệu, chế tạo đồ dùng dạy học.
- Tăng cường nguồn tài chính của trường phục vụ hoạt động khoa học.
- Xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai hợp tác với các doanh nghiệp và địa phương nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất công, nông nghiệp.
- Tạo thêm nhiều sân chơi khoa học cho sinh viên, các sân chơi này gắn liền với các học phần và chương trình đào tạo. Kết hợp với công tác Đoàn - Hội trong việc tuyên truyền các hoạt động NCKH của sinh viên.

- Hình thành kênh thông tin về KHCCN với các thể hệ cựu sinh viên của trường.
- Tăng cường trao đổi nghiên cứu với các đối tác trong và ngoài nước thông qua các hội nghị, hội thảo, trao đổi giảng viên và sinh viên, tiến hành các dự án nghiên cứu phối hợp.
- Thành lập Maker Innovation Space và STEM center.

### **Hệ thống đo lường và các chỉ số thực hiện**

#### **➤ Hệ thống đo lường**

- Số lượng, cấp độ, quy mô đề tài nghiên cứu khoa học, dự án NCKH và CGCN với các doanh nghiệp.
- Số lượng và chất lượng các bài báo khoa học được nghiệm thu và áp dụng.
- Doanh thu chuyển giao công nghệ.
- Số lượng nhóm nghiên cứu trọng điểm và doanh nghiệp khoa học công nghệ.

#### **➤ Hệ thống các chỉ số thực hiện**

- Trung bình hàng năm có 10 đề tài/nhiệm vụ cấp Bộ, cấp tỉnh hoặc tương đương; phân đầu đến từ năm 2020 đến năm 2025 có 10 đề tài cấp nhà nước/Quỹ Nafosted, từ năm 2026 đến năm 2030 có 20 đề tài cấp Nhà nước/Quỹ Nafosted.
- 40% giảng viên có bài báo trên các tạp chí và kỷ yếu hội thảo. Trung bình hàng năm có 100 bài báo trong danh mục chuẩn ISI/Scopus. Từ năm 2025 trung bình có 120 bài trong danh mục chuẩn ISI/Scopus.
- Mỗi đề tài NCKH cấp trường trọng điểm phải công bố ít nhất 01 bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành.
- 70% đề tài NCKH nghiệm thu đúng hạn và được đưa vào ứng dụng trong giảng dạy và thực tế sản xuất.
- Từ năm 2020 có ít nhất 02 chương trình/dự án NCKH hợp tác với doanh nghiệp. Mỗi khoa có ít nhất 01 đề tài/hợp đồng NCKH với doanh nghiệp.
- Doanh thu chuyển giao công nghệ năm đến 2030 đạt 10 tỷ đồng.
- Từ năm 2025 có ít nhất 15 nhóm nghiên cứu trọng điểm và 02 doanh nghiệp

khoa học công nghệ.

- 02 năm tổ chức 01 hội nghị IEEE hoặc Scopus.

#### **4.2.7. Chiến lược 7: Phục vụ cộng đồng**

##### **Các mục tiêu**

- Nâng cao và mở rộng tham gia các hoạt động cộng đồng. Liên kết chặt chẽ, cụ thể với tất cả các bên liên quan; tạo môi trường hợp tác bền vững với các doanh nghiệp, địa phương và cơ sở giáo dục đào tạo khác.
- Giáo dục người học về đạo đức công dân, đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm cộng đồng và xã hội, tinh thần khởi nghiệp.
- Đa dạng hóa hình thức tư vấn, định hướng nghề nghiệp, tạo nguồn tuyển sinh.
- Mở rộng sự tham gia của cựu sinh viên và các đối tượng khác vào cộng đồng HCMUTE.

##### **Các chiến lược hoạt động**

- Tích cực tham gia tư vấn, hướng nghiệp cho thanh, thiếu niên trực tiếp hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng. Duy trì và đổi mới hoạt động “Ngày mở”, đón tiếp giáo viên hướng nghiệp, phụ huynh và học sinh trung học phổ thông đến tham quan trường. Tổ chức Trại hè Sáng tạo kỹ thuật cho giáo viên, học sinh trung học phổ thông.
- Hợp tác toàn diện với doanh nghiệp; chú trọng phát triển loại hình đào tạo theo đơn đặt hàng; phối hợp NCKH, chuyển giao công nghệ, tuyển dụng sinh viên tốt nghiệp và tiếp nhận thông tin phản hồi về sản phẩm đào tạo của trường.
- Phổ biến các tiến bộ kỹ thuật, khoa học - công nghệ thích hợp với trình độ phát triển của các địa phương, giúp các địa phương về kế hoạch, quản lý, khai thác và phát triển các nguồn lực, hỗ trợ việc tổ chức sắp xếp hệ thống đào tạo kỹ thuật và chương trình đào tạo cho các địa phương, gắn kết với các cơ sở sản xuất trong việc bồi dưỡng và đào tạo lại cán bộ.
- Xây dựng mô hình liên kết điển hình với địa phương, trường dạy nghề, doanh nghiệp và trường đại học nước ngoài.
- Đẩy mạnh hoạt động của TT Sáng tạo và Khởi nghiệp tạo điều kiện phát

triển kinh tế địa vùng, địa phương.

- Tham gia các hoạt động mùa hè xanh, giúp đỡ người nghèo, các chương trình tình nguyện phục vụ cộng đồng.
- Đổi mới hình thức tổ chức các sự kiện cho cựu sinh viên và khuyến khích sự tương tác, kết nối mạnh mẽ hơn giữa Khoa chuyên môn, Cựu sinh viên & sinh viên hiện tại. Xây dựng chương trình kết nối gia đình và phụ huynh toàn diện, tuần lễ “HCMUTE Spirit”.

### **Hệ thống đo lường và các chỉ số thực hiện**

#### **➤ Hệ thống đo lường**

- Số lượng và loại hình các doanh nghiệp có thiết lập quan hệ và thực hiện các liên kết, hợp tác thực chất.
- Các hình thức, loại hình hợp tác với doanh nghiệp và địa phương.
- Kết quả hợp tác với doanh nghiệp ở các phương diện: tạo nguồn học bổng, tuyển dụng, đào tạo, nghiên cứu khoa học, tổ chức các seminar học thuật, trao đổi kinh nghiệm làm việc và khởi nghiệp.
- Số lượng và tỷ lệ sinh viên được hưởng thụ qua các hoạt động hợp tác, phục vụ cộng đồng. Tổ chức thực hiện mỗi hoạt động phục vụ cộng đồng ít nhất mỗi năm 1 lần.
- Số lượng và tỷ lệ sinh viên tham gia các hoạt động mùa hè xanh, hoạt động tình nguyện.

#### **➤ Hệ thống các chỉ số thực hiện**

<b>TT</b>	<b>Chỉ số</b>	<b>2020</b>	<b>2021</b>	<b>2022</b>
1.	Đáp ứng 100% Doanh nghiệp có nhu cầu tham gia “Ngày hội việc làm”, “Chương trình kết nối để thành công”, “Tuần lễ vàng tuyển dụng”, “Chương trình giao lưu, tuyển dụng”.	X	X	X
2.	Ký kết biên bản hợp tác (MoU) với ít nhất 10DN/năm.	X	X	X
3.	Hỗ trợ 100% DN (phù hợp) đăng tin tuyển dụng, việc làm, thực tập trên website, fanpage.	X	X	X
4.	Hàng năm tổ chức ít nhất 30 khóa đào tạo kỹ năng mềm mời DN về báo cáo.	X	X	X
5.	Tổ chức ít nhất 10 khóa đào tạo ngắn hạn (có cấp chứng chỉ).	X	X	X

6.	Sinh viên tham gia hoạt động Hiến máu tình nguyện ít nhất 3000SV/năm.	x	x	x
7.	Hỗ trợ trường THPT thành lập CLB nghiên cứu khoa học (10 CLB/năm).	x	x	x
8.	Tổ chức Hội trại hè sáng tạo cho học sinh THPT (ít nhất 30HS/năm).		x	x
9.	Hoạt động tư vấn định hướng nghề nghiệp (tư vấn với báo/đài, chương trình tư vấn cà phê, tư vấn online) (150 đợt tư vấn/năm).	x	x	x
10.	Tổ chức “Ngày mở” cho học sinh THPT tham quan trường và tư vấn tuyển sinh (70 trường THPT/6.000HS tham gia/năm)	x	x	x
11.	Đề tài NCKH & chuyển giao công nghệ cho địa phương, doanh nghiệp (15 đề tài/năm).	x	x	x
12.	25% Sinh viên tham gia các Chiến dịch MHX, Xuân Tình nguyện.	x	x	x
13.	Tổ chức hoạt động thực hiện Công tác xã hội (450 hoạt động/24000SV tham gia/năm).	x	x	x
14.	Ký kết hợp tác Đào tạo - Tuyển sinh - Khoa học kỹ thuật (5 trường + 1 sở/năm).	x	x	x
15.	Học bổng tạo nguồn cho học sinh các trường THPT có nhiều học sinh trúng tuyển (300 triệu/năm).	x	x	x
16.	Vận động học bổng trao cho học sinh vượt khó học giỏi, thiên tai, ... (300 triệu/năm).	x	x	x
17.	Thực hiện các công trình an sinh xã hội trong các hoạt động tình nguyện (500 triệu đồng/năm).	x	x	x
18.	Tổ chức ít nhất một hoạt động kết nối cựu sinh viên với khoa và sinh viên hiện tại.	x	x	x
19.	100% hoạt động đều lấy ý kiến phản hồi từ Doanh nghiệp, địa phương, cơ sở giáo dục.	x	x	x

## **5. Tổ chức thực hiện & kết luận**

### **5.1. Tổ chức thực hiện**

Phòng Đảm bảo chất lượng chủ trì xây dựng các nhiệm vụ trọng tâm từng năm học để thực hiện kế hoạch chiến lược; định kỳ sơ kết, tổng kết kế hoạch chiến lược; theo dõi, kiểm tra giám sát kế hoạch chiến lược.

Các đơn vị trong toàn trường xây dựng kế hoạch cụ thể của đơn vị để triển khai thực hiện kế hoạch chiến lược.

Phòng Đảm bảo chất lượng, dựa trên kế hoạch nhiệm vụ trọng tâm thực hiện chiến lược hàng năm của trường, chủ trì xây dựng Mục tiêu chất lượng và Kế hoạch thực hiện mục tiêu chất lượng của trường, kiểm tra, đánh giá việc thực



hiện MTCL của Trường và các đơn vị.

## **5.2. Kết luận**

Giai đoạn 2017 - 2022 có nhiều thời cơ và thách thức, cùng với việc thực hiện tốt đề án tự chủ đã được phê duyệt, việc thực hiện thành công kế hoạch chiến lược này sẽ tạo điều kiện nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng để nhà trường hoàn thành sứ mạng, trở thành một đại học thông minh vào những năm 2025-2030, phát triển bền vững và hội nhập quốc tế.

*Tập thể lãnh đạo, toàn thể cán bộ, viên chức, người học Nhà trường quyết tâm thực hiện thành công kế hoạch chiến lược này.*

## PHỤ LỤC

### Phụ lục 1. Cơ cấu tổ chức Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TPHCM (tính đến 31/12/2019)

TT	Loại hình tổ chức	Số lượng	Ghi chú
1.	Phòng - Ban chức năng	16	
2.	Khoa	13	
3.	Trung tâm trực thuộc trường	10	
4.	Trung tâm trực thuộc Khoa	2	
5.	Trung tâm trực thuộc Viện	5	
6.	Viện nghiên cứu	1	
7.	Bộ môn	50	

### Phụ lục 2. Số lượng cán bộ, viên chức Trường ĐHSP Kỹ thuật TPHCM (tính đến 31/12/2019)

TT	Chức danh, trình độ	Số lượng	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Giảng viên</b>	<b>612</b>	
1	Giáo sư, Phó giáo sư	39	
2	Tiến sỹ, Tiến sỹ KH	174	
3	Thạc sỹ	369	
4	Đại học	30	
<b>II</b>	<b>Cán bộ QLHC, nhân viên</b>	<b>219</b>	
	<b>Tổng cộng (I + II)</b>	<b>831</b>	

*Ghi chú: Chỉ tính số lượng cán bộ, viên chức cơ hữu của trường.*

**Phụ lục 3.**

**Cơ cấu trình độ đào tạo, chương trình đào tạo, số lượng người học  
(tính đến 31/12/2019)**

<b>TT</b>	<b>Trình độ đào tạo</b>	<b>Số lượng chương trình</b>	<b>Số lượng người học</b>	<b>Ghi chú</b>
1.	Tiến sỹ	7	117	
2.	Cao học	14	702	
3.	Đại học			
3.1	<i>Hệ đào tạo đại trà</i>	39	11.165	
3.2	<i>Hệ đào tạo chất lượng cao tiếng Việt</i>	18	8.847	
3.3	<i>Hệ đào tạo chất lượng cao tiếng Anh</i>	13	1.857	
3.4	<i>Hệ đào tạo vừa làm vừa học</i>	62	5.547	
3.5	<i>Hệ đào tạo liên kết quốc tế</i>	11	407	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>165</b>	<b>28.642</b>	

**Ghi chú:** Chỉ tính số lượng người học học đúng tiến độ, không tính số lượng người học học kéo dài

**Phụ lục 4.**

**Thống kê số lượng đề tài NCKH các cấp  
triển khai thực hiện giai đoạn 2016 - 2019**

<b>TT</b>	<b>Đề tài các cấp</b>	<b>Năm 2016</b>	<b>Năm 2017</b>	<b>Năm 2018</b>	<b>Năm 2019</b>	<b>Tổng cộng</b>
1	Cấp Nhà nước, quỹ Nafosted	0	2	3	4	9
2	Cấp Bộ, Tỉnh	9	7	6	25	47
3	Cấp Trường trọng điểm, Giảng viên trẻ	85	69	86	112	352
4	Cấp Trường	72	43	51	67	233
5	Cấp Sinh viên	109	51	86	112	358
	<b>Tổng cộng</b>	<b>275</b>	<b>172</b>	<b>232</b>	<b>320</b>	<b>999</b>

**Phụ lục 5.**

**Thống kê công bố khoa học giai đoạn 2016 - 2019**

<b>TT</b>	<b>Công bố khoa học</b>	<b>Năm 2016</b>	<b>Năm 2017</b>	<b>Năm 2018</b>	<b>Năm 2019</b>	<b>Tổng cộng</b>
1	Bài báo ISI, Scopus	36	46	60	118	260
2	Bài báo quốc tế khác	32	35	44	49	160
3	Bài báo trong nước	91	130	88	70	379
4	Bài báo hội nghị trong nước	48	34	29	29	140
5	Bài báo hội nghị quốc tế	63	102	141	109	415
6	Tạp chí Khoa học GDKT	55	53	45	45	198
	<b>Tổng cộng</b>	<b>325</b>	<b>400</b>	<b>407</b>	<b>420</b>	<b>1.552</b>

**Phụ lục 6. Số liệu về diện tích đất đai, nhà - công trình**  
(tính đến 31/12/2019)

TT	Nội dung	Số liệu	Ghi chú
<b>1.</b>	<b>Diện tích đất (m<sup>2</sup>)</b>	<b>218.655</b>	
1.1	- Diện tích đất cơ sở I (m <sup>2</sup> )	174.247	
1.2	- Diện tích đất cơ sở II (m <sup>2</sup> )	44.408	
<b>2.</b>	<b>Diện tích sàn xây dựng (m<sup>2</sup>) - CS I</b>	<b>116.272</b>	
2.1	- Phòng học (m <sup>2</sup> )	38.609	
2.2	- Phòng thí nghiệm (m <sup>2</sup> )	11.700	
2.3	- Phòng/xưởng thực hành (m <sup>2</sup> )	19.635	
2.4	- Hội trường (kể cả phòng họp)	2.389	
2.5	- Nhà học TĐTT (m <sup>2</sup> )	4.181	
2.6	- Phòng làm việc (m <sup>2</sup> )	12.613	
2.7	- Ký túc xá	5.276	
2.8	- Khác (m <sup>2</sup> ) (sảnh, hành lang, cầu thang, nhà VS)	10.403	
2.9	Kho, nhà bảo vệ, bãi xe, ...	11.466	
<b>3.</b>	<b>Diện tích sàn xây dựng (m<sup>2</sup>) - CS II</b>	<b>24.098</b>	
3.1	- Phòng học (m <sup>2</sup> )	2.570	
3.2	- Phòng thí nghiệm (m <sup>2</sup> )	214	
3.3	- Phòng/xưởng thực hành (m <sup>2</sup> )	3.086	
3.4	- Hội trường (kể cả phòng họp)	180	
3.5	- Nhà học TĐTT (m <sup>2</sup> )	0	
3.6	- Phòng làm việc (m <sup>2</sup> )	850	
3.7	- Ký túc xá	14.300	
3.8	- Khác (m <sup>2</sup> ) (sảnh, hành lang, cầu thang, nhà VS)	2.289	
3.9	Kho, nhà bảo vệ, bãi xe....	609	
	<b>Tổng cộng (2 + 3) (m<sup>2</sup>)</b>	<b>140.370</b>	

**Phụ lục 7. Số lượng các phòng thí nghiệm, thực hành hiện có  
(tính đến 31/12/2019)**

<b>TT</b>	<b>Tên Khoa/TT</b>	<b>Số lượng Phòng thí nghiệm /thực hành</b>
1	Khoa Công nghệ Hoá học & TP	14
2	Khoa Công nghệ may & TT	7
3	Khoa Công nghệ Thông tin	2
4	Khoa Cơ khí Chế tạo máy	17
5	Khoa Cơ khí Động lực	7
6	Khoa Đào tạo Chất lượng cao	4
7	Khoa Điện - Điện tử	39
8	Khoa Kỹ thuật in & Truyền thông	4
9	Khoa Khoa học Ứng dụng	2
10	Khoa Ngoại ngữ	2
11	Khoa Xây dựng	10
12	Trung tâm Thông tin Máy tính	11
13	Trung tâm Việt - Đức	19
14	Viện Sư phạm Kỹ thuật	2
	<b>Tổng cộng</b>	<b>140</b>

**Phụ lục 8. Tổng kinh phí từ các nguồn thu của trường giai đoạn 2016 - 2019**

Đơn vị tính: triệu VND

TT	Nguồn thu	2015	2016	2017	2018	2019 (dự kiến)
1.	Học phí các hệ đào tạo	220.175	249.188	310.444	406.094	506.500
2.	Nghiên cứu, chuyển giao công nghệ	-	-	-	-	-
3.	Tài trợ (Nhà nước, tổ chức, cá nhân)	-	-	8.085	834	-
4.	Dịch vụ	50.604	48.058	46.665	51.082	57.700
5.	Vốn vay	-	-	-	-	-
6.	Ngân sách Nhà nước cấp	88.232	100.106	63.553	42.876	41.535
	<b>Tổng cộng</b>	<b>359.011</b>	<b>397.352</b>	<b>428.747</b>	<b>500.886</b>	<b>605.735</b>

**Phụ lục 9. Tổng kinh phí chi cho các hoạt động của trường giai đoạn 2016 - 2019**

Đơn vị tính: triệu VND

TT	Mục chi	2015	2016	2017	2018	2019 (dự kiến)
1.	Chi thường xuyên	195.475	195.435	215.100	251.628	308.700
2.	Nghiên cứu, chuyển giao công nghệ	2.735	2.715	2.337	4.398	4.000
3.	Học bổng	10.842	13.664	16.207	18.626	22.000
4.	Đầu tư xây dựng	4.466	25.978	12.576	6.500	12.300
5.	Đầu tư trang thiết bị (dạy học, nghiên cứu)	55.195	29.395	67.319	67.388	53.000
6.	Phục vụ cộng đồng	1.758	2.352	2.984	1.818	2.300
	<b>Tổng cộng</b>	<b>270.471</b>	<b>269.539</b>	<b>316.523</b>	<b>350.358</b>	<b>402.300</b>



**HCMUTE**

*Thông tin liên hệ:*

**Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh**

Số 01. Võ Văn Ngân, Phường Linh Chiểu,  
Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Website: [www.hcmute.edu.vn](http://www.hcmute.edu.vn)